



NHỮNG NHÀ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT VÀ SỰ LÃNH ĐẠO TÀI GIỎI: MỘT NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM SAU ĐẠI HỘI LẦN THỨ X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PGS Abraham K.M. Leong*

Một thế hệ mới các nhà lãnh đạo, bao gồm Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ mới đã được thành lập sau Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam. Họ đã được bầu ra để lãnh đạo đất nước đạt được mục tiêu kế hoạch 5 năm (2006 – 2010). Các nhà lãnh đạo mới đã cho thấy khả năng quản trị tốt của họ trong hai năm qua mặc dù còn có những khó khăn kinh tế phải vượt qua. Họ không chỉ thúc đẩy sự phát triển kinh tế cho Việt Nam mà còn phải đối diện với nhiều khó khăn đến từ các nền kinh tế khác. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ nghiên cứu các nhà lãnh đạo trên và khả năng quản trị tốt của họ trong bối cảnh nền kinh tế.

Cơ cấu lãnh đạo mới của Việt Nam

Bộ máy lãnh đạo mới được thành lập từ năm 2006, bao gồm Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

14 uỷ viên mới của Bộ Chính trị đã được bầu vào tháng 4 năm 2006, trong đó các ông Nông Đức Mạnh, Lê Hồng Anh, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết, Trương Tấn Sang và Nguyễn Phú Trọng là những thành viên ban đầu, còn các ông Phạm Gia Khiêm, Phùng Quang Thanh, Trương Vĩnh Trọng, Lê Thanh Hải, Nguyễn Sinh Hùng, Nguyễn Văn Chi, Hồ Đức Việt và Phạm Quang Nghị là các thành viên mới. Mỗi người là một tấm gương sáng cho các thế hệ mai sau noi theo.

* Đại học Quốc gia Chi Nam, Đài Loan.

Bảng 1: Chức vụ các thành viên Bộ Chính trị của Đại hội X

Tên	Trước/ sau Đại hội IX	Trước Đại hội X	Sau Đại hội X *
Nông Đức Mạnh	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội; Tổng Bí thư.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Tổng Bí thư.	Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.
Lê Hồng Anh	Bí thư tỉnh Kiên Giang; Phó Ban Kiểm tra Trung ương.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Bộ trưởng Bộ Công an.	Bộ trưởng Bộ Công an.
Nguyễn Tấn Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Thủ tướng thường trực.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Phó Thủ tướng thường trực.	Thủ tướng Chính phủ.
Nguyễn Minh Triết	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.	Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
Trương Tấn Sang	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng ban Kinh tế Trung ương.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Trưởng ban Kinh tế Trung ương.	Trưởng ban Kinh tế Trung ương.
Nguyễn Phú Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Bí thư Thành ủy Hà Nội.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Bộ Chính trị; Bí thư Thành ủy thành phố Hà Nội; Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.	Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
Phạm Gia Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Thủ tướng.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Thủ tướng.	Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.
Phùng Quang Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng và Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam.	Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
Trương Vĩnh Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Trưởng ban Nội chính Trung ương.	Phó Thủ tướng Chính phủ.
Lê Thanh Hải	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Sinh Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Phó Thủ tướng Chính phủ.
Nguyễn Văn Chi		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Trưởng ban Kiểm tra Trung ương.	Trưởng ban Kiểm tra Trung ương.
Hồ Đức Việt	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.	Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
Phạm Quang Nghị	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng Bộ Văn hoá – Thông tin.	Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Nguồn: Đảng Cộng sản Việt Nam: “Danh sách Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá X”, trên *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://www.cpv.org.vn>, (ngày 25 – 04 – 2006),

Đảng Cộng sản Việt Nam: “Danh sách Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Khoá X”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://www.cpv.org.vn>, (ngày 25 – 04 – 2006); “Đảng lãnh đạo”, *Thời báo kinh tế Việt Nam* (tháng 5 – 2001).

Toàn bộ bộ máy lãnh đạo mới đã được thiết lập một cách vững chắc sau khi Quốc hội phê duyệt thành lập Chính phủ mới vào tháng 7 năm 2007.

Bảng 2: Thành viên Chính phủ mới của Việt Nam

Chức vụ	Tên	Chức vụ tại Đại hội IX	Chức vụ tại Đại hội X
Thủ tướng	Nguyễn Tấn Dũng	Ủy viên Bộ Chính trị; Phó Thủ tướng thường trực.	Ủy viên Bộ Chính trị; Phó Thủ tướng thường trực.
Phó Thủ tướng	Nguyễn Sinh Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Ủy viên Bộ Chính trị; Bộ trưởng Bộ Tài chính.
Phó Thủ tướng	Trương Vĩnh Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp.	Ủy viên Bộ Chính trị; Trưởng ban Nội chính Trung ương.
Phó Thủ tướng	Phạm Gia Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Thủ tướng.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Thủ tướng.
Phó Thủ tướng	Hoàng Trung Hải	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Thứ trưởng Bộ Công nghiệp.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.
Phó Thủ tướng	Nguyễn Thiện Nhân	Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

* Các chức vụ tại cột này hàm ý rằng họ vừa là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, vừa là Ủy viên Bộ Chính trị.

NHỮNG NHÀ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT VÀ SỰ LÃNH ĐẠO TÀI GIỎI...

Bộ trưởng Bộ Công an	Lê Hồng Anh	Ủy viên Bộ Chính trị; Phó ban Kiểm tra Trung ương.	Ủy viên Bộ Chính trị; Bộ trưởng Bộ Công an.
Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hoàng Tuấn Anh		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch.
Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Hà Hùng Cường		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Bình.
Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải	Hồ Nghĩa Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Nguyễn Văn Giàu		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh uỷ Ninh Thuận.
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	Lê Doãn Hợp	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Bí thư Tỉnh uỷ Nghệ An; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó ban Tư tưởng Văn hoá Trung ương.
Bộ trưởng Bộ Công thương	Vũ Huy Hoàng		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh uỷ Lạng Sơn.
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Phạm Gia Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Thủ tướng.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Thủ tướng.
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Thiện Nhân		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Nguyễn Thị Kim Ngân	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Thứ trưởng Bộ Tài chính.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Thứ trưởng Bộ Thương mại.
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Phạm Khải Nguyên		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
Bộ trưởng Bộ Tài chính	Vũ Văn Ninh		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Thứ trưởng Bộ Tài chính.
Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc	Giàng Seo Phử	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Lào Cai.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương.
Chánh Văn phòng Chính phủ	Nguyễn Xuân Phúc		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Phó Thanh tra Nhà nước.
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Cao Đức Phát		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Võ Hồng Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Nguyễn Hồng Quân	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Thứ trưởng Bộ Xây dựng.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoàng Văn Phong	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên Thành ủy Hà Nội; Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
Bộ trưởng Bộ Y tế	Nguyễn Quốc Triệu		Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
Tổng Thanh tra Chính phủ	Trần Văn Truyền	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Bến Tre.	
Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Trần Văn Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Nam Định.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Phùng Quang Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Trung tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam.	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Nguồn: “Cơ cấu Chính phủ mới” trên *Thời báo kinh tế Việt Nam* (tháng 8, 2007); “Các thành viên Chính phủ” trên *Website của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, <http://www.chinhphu.vn> (31 – 03 – 2008)

Từ góc nhìn với các ủy viên Bộ Chính trị, không có bất kỳ thành viên nào từ ngành ngoại giao. Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Cơ Thạch, Nguyễn Mạnh Cầm là đại diện cho hệ thống trên với tư cách là ủy viên Bộ Chính trị khi họ đã từng làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Từ vị trí của Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chỉ có Nguyễn Văn Sơn và Trần Văn Hằng, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ban Đối ngoại Trung ương, đã được bầu làm ủy viên chính thức tại Đại hội X. Đại diện duy nhất của ngành ngoại giao là Phạm Bình Minh, Vụ trưởng Vụ Các tổ chức Quốc tế, đã được bầu làm ủy viên dự khuyết.

Nguyễn Dy Niên, Lê Công Phụng, Vũ Dũng, Lê Văn Bằng, Nguyễn Phú Bình, Nguyễn Trung Thành và Đào Việt Trung nguyên Bộ trưởng; bốn Thứ trưởng và hai trợ lý Bộ trưởng đã không được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, dù là dự khuyết.

Từ ngành an ninh, Lê Hồng Anh, Trương Vĩnh Trọng và Nguyễn Văn Chi, các đại diện của ngành này đã được bầu làm ủy viên Bộ Chính trị, nhằm mục tiêu chống tham nhũng – mặt trái của quá trình phát triển kinh tế.

Lần theo tiểu sử của họ, chúng ta có thể nhận thấy Nguyễn Minh Triết và Trương Tấn Sang đến từ Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế của Việt Nam¹. Nguyễn Tấn Dũng cũng là Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ tháng 5 năm 1998². Nguyễn Sinh Hùng và Hoàng Trung Hải là những người từ

ngành tài chính và công nghiệp, và họ lần lượt đứng đầu Bộ Tài chính và Công nghiệp. Phạm Gia Khiêm không phải đến từ ngành ngoại giao nhưng ông từng là Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong giai đoạn 1976 – 1996. Các bộ trưởng lúc bấy giờ là Võ Văn Kiệt và Phan Văn Khải sau này đều trở thành Thủ tướng. Phạm Gia Khiêm trở thành Phó Thủ tướng trong Chính phủ do Phan Văn Khải làm Thủ tướng³. Vũ Văn Ninh, Võ Hồng Phúc, Nguyễn Hồng Quân, Hồ Nghĩa Dũng, Nguyễn Thị Kim Ngân cũng là những người từ ngành tài chính, công nghiệp và đứng đầu các bộ ngành kinh tế. Thậm chí Nguyễn Thiện Nhân, Thứ trưởng rồi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng là một nhà kinh tế. Chúng ta có thể kết luận rằng một trong những nhiệm vụ trọng yếu của lãnh đạo mới là kinh tế, không chỉ là phát triển kinh tế mà còn là hội nhập với các tổ chức kinh tế quan trọng trong khu vực và thế giới như WTO, APEC và ASEAN.

Tuy nhiên, đây không phải là căn cứ làm suy giảm tầm quan trọng của ngành ngoại giao Việt Nam. Độ tuổi của bốn Thứ trưởng hiện tại của Bộ Ngoại giao nằm trong khoảng 50 đến 60. Vũ Dũng là người duy nhất được ở lại, ông từng là thành viên của phái đoàn Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Paris và thành viên của Uỷ ban Điều phối quân sự bốn bên. Sau đó ông đã từng làm việc tại các đại sứ quán Việt Nam tại Liên hợp quốc, Philippines và Nhật Bản⁴. Phạm Bình Minh, uỷ viên dự khuyết duy nhất của Bộ Ngoại giao trong Ban Chấp hành Trung ương và nguyên Vụ trưởng Vụ Các tổ chức Quốc tế, đã từng là Đại sứ ở Liên hợp quốc trong suốt những năm 1999 – 2001⁵. Nguyễn Văn Thơ là một Thứ trưởng mới nữa của Bộ Ngoại giao, lúc đầu cũng đã từng làm việc tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, sau đó ông làm việc tại Vụ Chính sách Đối ngoại và phụ trách các vấn đề về UNESCO⁶. Đào Việt Trung, Thứ trưởng mới cuối cùng từng làm việc tại Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển, Thái Lan và UNESCO⁷. Từ sự sắp xếp và tiểu sử của Bộ trưởng và bốn Thứ trưởng Bộ Ngoại giao nói trên, chúng ta có thể rút ra kết luận rằng một số vị trí quan trọng mà các chính sách ngoại giao của Việt Nam trong tương lai cần chú trọng là một số tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới như Liên hợp quốc, WTO, ASEAN.

Tóm lại, bộ máy lãnh đạo mới của Việt Nam có thể được phân thành ba nhóm. Họ chịu trách nhiệm cho sự phát triển kinh tế, chống tham nhũng và các vấn đề an ninh, đối ngoại nhằm đưa Việt Nam hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

Mục tiêu và kết quả của kế hoạch 5 năm

Mục tiêu chung của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2006 – 2010)⁸ là:

Thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo ra những thay đổi quan trọng trong định hướng phát triển nhanh và bền vững, nhanh chóng đưa nước ta thoát khỏi

tình trạng kém phát triển. Cải thiện đáng kể đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân. Thành lập các tổ chức nhằm thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển dần dần nền kinh tế tri thức. Ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam tại khu vực và trên thế giới.

Các nhiệm vụ chính là:

1. Kiên quyết giải phóng lực lượng lao động, tận dụng tối đa các khả năng và nguồn lực, tạo bước đột phá trong xây dựng cơ sở hạ tầng, chuyển đổi vững chắc cơ cấu kinh tế và dịch vụ, tăng sự cạnh tranh nhằm thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế, cải thiện chất lượng phát triển, nhanh chóng đưa Việt Nam thoát khỏi nhóm nước có thu nhập thấp.

2. Chuyển dịch một cách mạnh mẽ hơn vào nền kinh tế thị trường, thực hiện các nguyên tắc thị trường, xây dựng một cách có hệ thống các loại thị trường và nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

3. Chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, nhanh chóng mở rộng và nâng cao hiệu quả ngoại thương cùng với việc thiết lập nền kinh tế tự trị và tự chủ.

4. Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực vì lợi ích của quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, và đề cao sự phát triển của nền kinh tế tri thức.

5. Tạo ra sự chuyển động mạnh mẽ trong xây dựng nền tảng văn hoá, nhận thức, đạo đức và lối sống, cải thiện đáng kể sức khoẻ và thể chất của người dân, bảo vệ và cải tạo môi trường sinh thái.

6. Thực hiện tiến bộ xã hội, công bằng và bình đẳng giới, tạo công ăn việc làm, khuyến khích người dân làm giàu một cách hợp pháp, xoá đói giảm nghèo, phát triển hệ thống an sinh xã hội và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội.

7. Đề cao dân chủ, coi đoàn kết dân tộc là động lực và nhân tố quyết định trong việc nâng cao hiệu lực của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo ra sự thay đổi toàn diện và có ý nghĩa trong cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng và lãng phí.

8. Củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc nền độc lập, ổn định tình hình chính trị – xã hội và mở rộng quan hệ đối ngoại để tạo ra các điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta có thể đánh giá sự lãnh đạo đất nước của bộ máy mới ở Việt Nam dựa vào các mục tiêu chung và các nhiệm vụ chính đã được trình bày trong kế

hoạch 5 năm ở trên. Các mục tiêu và nhiệm vụ nêu trên có thể nói một cách đơn giản là kinh tế, chống tham nhũng và quan hệ đối ngoại.

Trên lĩnh vực kinh tế:

Theo kế hoạch 5 năm ở trên, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) vào năm 2010 sẽ cao gấp 2,1 lần so với năm 2000. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong giai đoạn 5 năm 2006 – 2010 sẽ là 7,5 – 8,0%, trong đó nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp sẽ tăng 3,0 đến 3,2%, công nghiệp và xây dựng sẽ tăng 9,5 đến 10,2%, dịch vụ tăng 7,7 đến 8,2%.

Bảng 3: Các chỉ số kinh tế quan trọng

	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	7,08	7,26	7,70	8,43	8,17	8,48
Nông nghiệp và ngư nghiệp	0,93	0,79	0,92	0,82	0,67	0,64
Công nghiệp và xây dựng	3,47	3,92	3,93	4,19	4,16	4,34
Dịch vụ	2,68	2,63	2,94	3,42	3,34	3,50
GDP bình quân đầu người (USD)	441,0	490,0	555,0	637,0	725,3	832,0
Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người		11,1	11,3	14,8	13,9	14,7

Nguồn: “GDP theo từng ngành”, Thời báo kinh tế Việt Nam, số 173 (tháng 7 – 2008), trang 65.

Như bảng 3 đã chỉ ra, tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2006 và 2007 lần lượt là 8,17% và 8,48%. GDP giá hiện hành trong năm 2007 là 70,977 triệu USD, GDP bình quân đầu người là 832 USD. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người là 13,9% và 14,7%. Tất cả các chỉ số này đều cao hơn mục tiêu kế hoạch 5 năm đề ra.

Tăng trưởng GDP nhanh nhất là ngành công nghiệp và xây dựng. GDP tại mức giá hiện tại của ngành này là 25.328,5 triệu USD và 29.530,0 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng là 4,16% và 4,34%. Ngành tăng trưởng đứng thứ hai là ngành dịch vụ với GDP tại mức giá hiện tại là 23.225,4 triệu USD và 27.073,0 triệu USD; tốc độ tăng trưởng là 3,34% và 3,50%. Các con số trên đều cao hơn so với mục tiêu đề ra trong kế hoạch 5 năm. Do có những thay đổi trong hai năm gần đây, nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp chiếm 20% GDP, công nghiệp và xây dựng chiếm 42% và dịch vụ chiếm 38%. Điều này cho thấy Việt Nam đang tiến gần để trở thành đất nước công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Lý do chính khiến GDP của Việt Nam tăng là do đầu tư tăng mạnh, tốc độ tăng trưởng tăng từ 16% lên 40,4%, theo đó Việt Nam trở thành một trong những nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất châu Á⁹. Một số học giả cho rằng Việt Nam sẽ phải đương đầu với khủng hoảng tài chính như tại Thái Lan năm 1999 do mức đầu tư cao. Nếu phân tích cơ cấu đầu tư của Việt Nam, chúng ta sẽ nhận thấy sự

tăng đầu tư là do đầu tư vào địa phương, tốc độ tăng trưởng tăng từ 37,7% năm 2006 lên 40,7% năm 2007. Do đó, khủng hoảng tài chính như tại Thái Lan năm 1997 không thể dễ dàng xảy ra ở Việt Nam bởi lẽ hầu hết các yếu tố của cơ cấu đầu tư đều nằm trong tay các nhà đầu tư địa phương, những người có nhiều khó khăn hơn trong việc rút tiền ra khỏi Việt Nam.

Bảng 4: Chủ đầu tư tại Việt Nam (%)

	Nhà nước	Không phải nhà nước	Nước ngoài
2002	57,3	25,3	17,4
2003	52,9	31,1	16,0
2004	48,1	37,7	14,2
2005	47,1	38,0	14,9
2006	46,4	37,7	15,9
2007	43,3	40,7	16,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, tại <http://www.gso.gov.vn>, (ngày 25 – 2 – 2008).

Tuy nhiên, lạm phát gần đây của Việt Nam là đáng lo ngại đối với các nhà đầu tư. Tỷ lệ lạm phát dưới 5% vào thời điểm trước tháng 5 năm 2007, sau đó tăng một cách nhanh chóng, lên 12,63%, 16,00% và thậm chí 18,40% lần lượt vào tháng 12 năm 2007, tháng 5 và 6 năm 2008. Tốc độ tăng lạm phát nhanh đã làm nhiều người quan tâm đến tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam trên thế giới phải kinh ngạc.

Bảng 5: Lạm phát giá hàng tháng tại Việt Nam (%)

	2006	2007	2008
Tháng 1	1,00	1,00	2,30
Tháng 2	2,20	2,30	6,00
Tháng 3	2,80	3,20	9,20
Tháng 4	3,00	3,50	11,60
Tháng 5	3,60	4,30	16,00
Tháng 6	4,00	5,70	18,40
Tháng 7	4,40	6,20	n.a.
Tháng 8	4,80	6,80	n.a.
Tháng 9	5,10	7,30	n.a.
Tháng 10	5,40	8,20	n.a.
Tháng 11	6,00	9,45	n.a.
Tháng 12	6,60	12,63	n.a.

Nguồn: “Lạm phát hàng tháng”, *Thời báo kinh tế Việt Nam*, số 173, (tháng 7 – 2008), tr. 64.

Một trong những lý do chính khiến lạm phát tăng nhanh là do sự tăng mạnh của giá lương thực và giá dầu trên thế giới. Giá dầu lửa năm 2007 là 11.400 VNĐ/1 lít, đến tháng 5 năm 2008 tăng lên 14.500 VNĐ/1 lít, và tốc độ tăng trưởng đạt mức 27%. Giá gạo tăng từ 6.040 VNĐ/1kg lên 11.500 VNĐ/1kg, tốc độ tăng là 90%¹⁰. Tuy nhiên Việt Nam là nước xuất khẩu gạo và dầu thô, nhập khẩu dầu lửa, vì vậy giá dầu và giá lương thực thế giới cao gây ảnh hưởng không quá nghiêm trọng.

Lý do thứ hai của lạm phát tại Việt Nam là do các doanh nghiệp nhà nước đa cấp đã đầu tư rất nhiều vốn vào lĩnh vực mà họ không chuyên trong những năm qua. Họ đầu tư vào thị trường chứng khoán và bất động sản, vì vậy xảy ra tình trạng cung cấp quá nhiều tiền, nhưng lại không đủ tiền thật theo giá trị sổ sách.

Bảng 6: Đầu tư bởi các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty (ngày 31 – 12 – 2007)

Đầu tư bên ngoài	Số các tập đoàn kinh tế và tổng công ty	Số tiền (triệu đồng)	% vốn chủ sở hữu	% tài sản
Quỹ đầu tư và chứng khoán	13	1.061	0,31	0,13
Công ty cổ phần thương mại	13	420	0,12	0,05
Ngân hàng cổ phần thương mại	19	4.426	1,30	0,55
Bất động sản	18	1.463	0,43	0,18
Tổng		7.370		

Nguồn: Báo cáo Quốc hội của Thủ tướng Chính phủ, ngày 31 – 05 – 2008.

Lý do cuối cùng cho lạm phát ở Việt Nam là Chính phủ Việt Nam không mong muốn sự mất giá của đồng tiền Việt Nam nên đã mua rất nhiều ngoại tệ.

Chính phủ đã quyết định nhiều chính sách và biện pháp để kiểm chế và giảm lạm phát như trong bảng 7.

Bảng 7: So sánh các thông báo chính sách mới

Phạm vi chính sách	Thông báo chính thức của Phó Thủ tướng số 319 (03 – 03 – 2008)	Website của Thủ tướng Chính phủ (30 – 03 – 2008)	Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 91/TB-VPCP (07 – 04 – 2008)
Tiền/ Tín dụng	Siết chặt các chính sách tiền tệ một cách linh động (5). Tăng yêu cầu dự trữ, Ngân hàng Nhà nước bắt buộc phải phát hành hoá đơn (6). Tích cực thực hiện chính sách lãi suất (6). Hạn chế tốc độ tăng trưởng tín dụng đến 30% (8).	Siết chặt hơn nữa chính sách tiền tệ và kiểm soát việc cung ứng tiền (1).	Kiểm soát tăng trưởng tín dụng bằng các biện pháp thích hợp (2). Huỷ bỏ mức trần tỷ giá tiền gửi (2). Lãi suất thực theo cơ chế thị trường (2). Giám sát giao dịch tài chính của các nhóm kinh tế (3).

Tỷ giá ngoại tệ	Kiểm soát tỷ giá ngoại tệ với đồng đô la và các tiền tệ khác (7). Mở rộng mức tỷ giá lên trên dưới 2% (7).	Áp dụng tỷ giá ngoại tệ linh động sao cho không ảnh hưởng tới xuất khẩu (4). Chọn mức tỷ giá giao dịch thích hợp (4).	
Vốn lưu động	Tiếp tục mua ngoại tệ từ các nhà đầu tư (7). Cấp phép cho các công ty nước ngoài quản lý quỹ (11).		Kiểm soát luồng vốn đầu tư ngắn hạn bao gồm danh mục vốn đầu tư (2).
Thu nhập/ chi tiêu Chính phủ	Nâng cao hiệu quả đầu tư; dừng hoặc sắp xếp lại các dự án không cần thiết (4). Thắt chặt chi tiêu công cộng, nâng cao hiệu quả, kìm hãm thâm hụt ngân sách (5). Hoãn việc phát hành trái phiếu nhà nước (15).	Cắt giảm chi phí và đầu tư công cộng (2). Cắt giảm 10% chi phí quản lý hành chính (5).	Ngừng các dự án đầu tư không hiệu quả (3). Ưu tiên chi tiêu Chính phủ cắt giảm 10% (3). Không phê chuẩn chi tiêu cho năm tới (3). Hạn chế sử dụng quỹ dự phòng, chỉ dùng để cứu trợ thiên tai (3).
Thị trường bất động sản	Ngăn chặn các hoạt động đầu cơ thông qua các chính sách thuế và kiểm soát tín dụng (9). Khôi phục tín dụng từ các công ty nhà nước đầu cơ đất (9).		
Thị trường chứng khoán	Tăng phát hành cổ phiếu, bao gồm cả lộ trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước (10). Tiếp tục kiểm soát các chứng khoán liên quan đến các khoản vay (10). Cho phép Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) mua chứng khoán khi cần thiết (13).		Mở rộng tiêu chuẩn để thiết lập các quỹ và các công ty tài chính (3).
Ngoại thương	Mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm mục đích tăng trưởng 25% (16).	Tăng cung cấp hàng hoá cho sử dụng trong nước (3). Hạn chế xuất khẩu gạo khoảng 4 triệu tấn năm 2008 (4).	Điều chỉnh thuế nhập khẩu và lệ phí xuất khẩu để giảm nhập siêu (3).
Nhiên liệu và năng lượng		Không tăng giá nhiên liệu và xăng dầu cho đến tháng 6 - 2008 (4).	Duy trì mức giá ổn định của than đá, điện và dầu mỏ.
Cạnh tranh	Đấu tranh chống lạm dụng vị thế độc quyền (17).	Cân bằng cung và cầu của các mặt hàng thiết yếu (4). Giám sát thị trường các mặt hàng thiết yếu để tránh đầu cơ (6).	Tăng cường giám sát thị trường và phòng chống buôn lậu (3).
Xã hội		Giảm bớt một số lệ phí cho nông dân đến tháng 6 - 2008 (4). Thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội (7). Tăng lương và phụ cấp (7)	Hỗ trợ người nghèo ổn định đời sống (7).

Nguồn: “Các mục tiêu và dự báo”, Thời báo kinh tế Việt Nam, số 171 (tháng 5 – 2008), tr. 11.

Bên cạnh các chính sách và biện pháp nêu tại bảng 7, Chính phủ Việt Nam cũng đã hoãn một số dự án đầu tư được đề xuất bởi các doanh nghiệp nhà nước đa cấp bởi vì hầu hết các dự án đó không thuộc phạm vi chuyên môn của họ. Các chính sách trên được nhiều nhà kinh tế học đánh giá cao, trong đó có nhà kinh tế học Greenspan.

Lĩnh vực chống tham nhũng:

Tham nhũng là một trong những vấn đề quan trọng nhất trong quá trình Đổi mới. Nhiều nhà lãnh đạo trước như Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam đánh bại thực dân Pháp tại Điện Biên Phủ; Mai Chí Thọ, nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam và Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ tướng Chính phủ luôn lo lắng vấn nạn tham nhũng đe dọa nghiêm trọng không chỉ với Đảng Cộng sản mà còn ảnh hưởng tới toàn bộ đất nước Việt Nam¹¹. Tổ chức *Minh bạch quốc tế* đã xếp Việt Nam đứng thứ 112 trên tổng 163 nước vào năm 2006 về “cảm nhận tham nhũng”.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã quyết định đấu tranh chống tham nhũng tại phiên họp thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 28 – 5 – 2008¹². Ban Chỉ đạo Trung ương chống tham nhũng do Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đứng đầu đã báo cáo rằng trong 6 tháng đầu năm, Ban Chỉ đạo đã xác định được 111 trường hợp trên tổng 1.700 đơn thư khiếu nại có thể liên quan đến tham nhũng. Trong khi đó, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm tham nhũng – Bộ Công an đã điều tra ra 12 vụ án nghiêm trọng với 96 người có liên quan, và đã chuyển 4 vụ án với 46 nghi phạm cho Viện Kiểm sát. Thanh tra Chính phủ cũng đã phát hiện 966.6 tỷ đồng và 45,500 USD bị tham ô chỉ trong 8 cuộc thanh tra. Trong giai đoạn xem xét lại, 192 vụ án tham nhũng với 471 người liên quan đã bị truy tố. Vụ án nghiêm trọng nhất là vụ Quản lý Dự án 18 (PMU 18). Sau đó là vụ đồng hồ điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đó là một nỗ lực để thuyết phục người dân về quyết tâm chống tham nhũng của Chính phủ¹³. Quốc hội cũng đã thông qua một số luật đấu tranh chống tham nhũng.

Lĩnh vực quan hệ đối ngoại:

Lý do khiến chức vụ Bộ trưởng Bộ Ngoại giao được đặt trên vai Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm là do ông đã từng chịu trách nhiệm đàm phán với rất nhiều tổ chức kinh tế thế giới như WTO. Thêm vào đó, các Thứ trưởng Bộ Ngoại giao đều có rất nhiều kinh nghiệm trong quan hệ với các tổ chức quốc tế. Điều này cho thấy Việt Nam rất mong muốn giành được vị trí uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và sẽ đảm nhiệm tốt vị trí này. Mặc dù nhiệm kỳ chỉ 2 năm (2007 – 2008) nhưng đây là cơ hội tốt để Việt Nam mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước.

Việt Nam đang từng bước chuyển từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa từ sau Đổi mới năm 1986. Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, đặc biệt đã tham gia vào tổ chức ASEAN, APEC và WTO. Để hội nhập vào các nền kinh tế này, Việt Nam phải thay đổi cơ cấu kinh tế, thậm chí thay đổi cả chương trình giáo dục và đào tạo¹⁴.

Kết luận

Đối với một đất nước đang phát triển, phát triển kinh tế là vấn đề quan trọng bởi đó không chỉ là sinh kế mà còn là sự thịnh vượng. Ngược lại, tham nhũng luôn là mặt trái của phát triển kinh tế. Làm thế nào để cân bằng hai mặt này? Chống tham nhũng cùng với phát triển kinh tế sẽ kiểm tra trình độ cũng như khả năng quản lý của các nhà lãnh đạo, đặc biệt là những người phụ trách các vấn đề của Nhà nước.

Nhìn từ quan điểm về phát triển kinh tế, chúng ta có thể thấy các nhà lãnh đạo mới của Việt Nam rất có khả năng quản trị trong lĩnh vực này. Tốc độ tăng trưởng GDP và sự cải tổ cơ cấu kinh tế đã chứng minh khả năng quản trị tốt. Mặc dù lạm phát là vấn đề nghiêm trọng nhưng các chính sách và biện pháp đã được các nhà lãnh đạo đưa ra có thể sẽ có hiệu quả trong việc ngăn chặn hiện tượng này.

Nhìn từ quan điểm về phòng chống tham nhũng, từ các kết quả được nói đến ở trên, chúng ta có thể thấy quyết tâm và các chính sách đang được triển khai một cách sâu sắc để chống tham nhũng. Vì vậy, các nhà lãnh đạo mới cũng đã cho thấy khả năng quản trị tốt của mình trong lĩnh vực này.

Nhìn từ quan điểm về quan hệ ngoại giao, lãnh đạo mới của Việt Nam đã cho thấy một bảng thành tích xuất sắc trong lĩnh vực này. Việt Nam đã và đang giữ vai trò quan trọng trong Liên hợp quốc, WTO, APEC và ASEAN.

Nói một cách ngắn gọn, chúng ta có thể kết luận rằng lãnh đạo mới của Việt Nam có khả năng quản trị tốt để phát triển kinh tế, phòng chống tham nhũng và phát triển quan hệ ngoại giao.

CHÚ THÍCH

¹ Tiểu sử tóm tắt của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết trên báo *Nhân dân*, <http://www.nhandan.com.vn>, (29 – 6 – 2006). Martin Gainsborough: *Ho Chi Minh City's Post – 1975 Political Elite: Continuity and Change in Background and Belief*, in Benedict J. Tria Kerkvliet and David G. Marr (eds.), *Beyond Hanoi: Local Government in Vietnam*, Singapore: ISEAS, 2004, p. 259 – 284.

- ² Bộ Ngoại giao Việt Nam, “Tiểu sử tóm tắt của Nguyễn Tấn Dũng”, trên: <http://www.mof.gov.vn>, (13 – 9 – 2002).
- ³ Bộ Ngoại giao Việt Nam, “Tiểu sử tóm tắt của Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam”, trên <http://www.mofa.gov.vn>, (11 – 7 – 2007).
- ⁴ Bộ Ngoại giao Việt Nam, “Tiểu sử Thứ trưởng Vũ Dũng”, trên <http://www.mofa.gov.vn>, (1/4/2008).
- ⁵ Bộ Ngoại giao Việt Nam, “Tiểu sử Thứ trưởng thường trực Phạm Bình Minh”, trên <http://www.mofa.gov.vn>, (1 – 4 – 2008).
- ⁶ Bộ Ngoại giao Việt Nam, “Tiểu sử Thứ trưởng Nguyễn Văn Tho”, trên <http://www.mofa.gov.vn>, (1 – 4 – 2008).
- ⁷ Bộ Ngoại giao Việt Nam, “Tiểu sử Thứ trưởng Đào Việt Trung”, trên <http://www.mofa.gov.vn>, (1/4/2008).
- ⁸ Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm (2006 – 2010), Hà Nội, 4 – 2006.
- ⁹ Đào Việt Dũng, “Việt Nam”, trong Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), *Triển vọng phát triển châu Á 2008*, trên <http://www.adb.org>, (21 – 7 – 2008).
- ¹⁰ *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, Giá hàng hoá bán lẻ, số 173, – 7/2008, tr.64.
- ¹¹ Seth Mydans, “In Vietnam, top Communist Sees Corruption as Threat”, *International Herald Tribune*, (31 – 5 – 2006).
- ¹² Báo Nhân dân, Lãnh đạo Đảng kêu gọi chống tham nhũng, trên <http://www.nhandan.com.vn>, (29/7/2006).
- ¹³ Báo Nhân dân, Đảng kêu gọi những nỗ lực lớn hơn để chống tham nhũng, trên <http://www.nhandan.com.vn>, (19 – 7 – 2008).
- ¹⁴ *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, “Thành quả của sự thịnh vượng”, số 148, 4 – 2006, tr.12 – 13; *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, “Hội viên có giá trị của mình”, số 148, 4 – 2006, tr.18 – 19; *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, “Hoà trộn các thành phần”, số 148, 4 – 2006, tr.20 – 21; *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, “Hệ thống hoàn chỉnh hơn”, số 170, 4 – 2008, tr.18; *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, “Bước đi cần thiết”, số 170, 4 – 2008, tr.19.